TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2026/HNGĐ-ST
Ngày 18-8-2026

"Vv Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Hoàng Đức Nhã, bà Lò Thị Khua.

- ***Thư ký phiên tòa*:** bà Cao Thị Hồng - Thư ký viên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** ông Đặng Quang Huy, bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18/6/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang. Địa chỉ số C, đường T, phường H, tỉnh Tuyên Quang xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 159/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/4/2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 52/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* anh Thào Hải Â, sinh năm 1984; địa chỉ: Tiểu khu A, xã B, tỉnh Sơn La; CCCD số 01408xxxxxx, vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn P, xã B, tỉnh Tuyên Quang; CCCD số 0021xxxxxxx, (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ kèm theo nguyên đơn anh Thào Hải Â trình bày:

Anh Thào Hải Â với chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2024 tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La (nay là Tiểu khu A, xã B, tỉnh Sơn La). Sau khi kết hôn, anh và chị H có thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng, sau đó mâu thuẫn phát sinh, lý do chị H thường xuyên đi làm xa nhà, bỏ bê và không quan tâm đến gia đình. Do đó, anh Â thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài thêm, nên anh Â có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H để mỗi người có cuộc sống riêng.

Về con chung: quá trình chung sống, hai anh chị không có con chung.

Về tài sản, công nợ chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh không tạo lập được khối tài sản chung nào, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về phía bị đơn là chị Nguyễn Thị H: ngay sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị H nhiều lần, nhưng chị H không đến Tòa án để làm việc.

Theo kết quả xác minh ngày 06/5/2026 tại với trưởng thôn Phai xã B cho thấy, chị Nguyễn Thị H có nhà riêng tại thôn P, xã B, hiện tại chị H đang đi làm ở bên ngoài, nhưng thỉnh thoảng vẫn về thăm bố mẹ và gia đình.

Theo tài liệu là xác nhận thông tin nơi cư trú của Công an xã B cung cấp thì chị H có hộ khẩu thường trú, nơi ở hiện tại thôn P, xã B, tỉnh Tuyên Quang, ngoài ra không có nơi ở hoặc tạm trú nào khác.

Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Toà án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang đã tiến hành thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Toà án đối với chị Nguyễn Thị H theo đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 (gọi tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không hòa giải được vì đương sự vắng mặt mà không có lý do chính đáng mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà lần thứ nhất vào ngày 31/7/2026, các bên đương sự vắng mặt nên HĐXX đã quyết định hoãn phiên toà.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: anh Thào Hải Â có đơn xin giải quyết vắng mặt ghi ngày 11/6/2026; chị Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do (*đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai*). Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang có ý kiến, quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Thào Hải Â.

2. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Thào Hải Â được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

3. Về con chung: anh Thào Hải Â và chị Nguyễn Thị H không có con chung nên không cần đề cập xem xét.

4. Về tài sản, công nợ: anh Thào Hải Â và chị Nguyễn Thị H không có không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: anh Thào Hải Â phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Â đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai thu số 0000778, ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: anh Thào Hải Â và chị Nguyễn Thị H xây dựng gia đình và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La (nay là xã B, tỉnh Sơn La); bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ thường trú tại thôn P, xã B, tỉnh Tuyên Quang; nguyên đơn có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang giải quyết về quan hệ hôn nhân; về con chung chưa có; về tài sản, công nợ chung không đề nghị giải quyết nên xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 (gọi tắt là Bộ luật Tố tụng dân sự) và vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Tuyên Quang theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà: tại phiên toà hôm nay, các bên đương sự tiếp tục vắng mặt (*nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tống đạt giấy triệu tập hợp lệ*). Do đó, HĐXX quyết định vẫn tiến hành phiên toà xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thào Hải Â HĐXX thấy rằng: anh Â và chị H xây dựng gia đình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2024 tại UBND thị trấn B, huyện B, tỉnh Sơn La (nay là Tiểu khu A, xã B, tỉnh Sơn La). Sau khi kết hôn, anh và chị H có thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng, sau đó mâu thuẫn phát sinh, lý do chị H thường xuyên đi làm xa nhà, bỏ bê và không quan tâm đến gia đình. Về phía chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án đã cố tình vắng mặt mặc dù đã được Toà án thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng một cách hợp lệ. Do đó, HĐXX thấy tình cảm vợ chồng giữa anh Â và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc anh Thào Hải Â có nguyện vọng xin ly hôn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4] Về con chung: anh Thào Hải Â và chị Nguyễn Thị H không có con chung nên không cần đề cập xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ chung: anh Thào Hải Â xác nhận không có nên HĐXX không xem xét.

[6] Ý kiến, quan điểm của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ cần được chấp nhận

[7] Về án phí: anh Thào Hải Â phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí.

[8] Quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Thào Hải Â.

2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Thào Hải Â được ly hôn với Nguyễn Thị H.

3. Về con chung: không có.

4. Về tài sản, công nợ: Tòa án không xem xét.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: anh Thào Hải Â phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Â đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000778 ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Chị Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 8 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 4 - Tuyên Quang;
- Phòng THADS khu vực 4 - Tuyên Quang;
- UBND xã Bắc Yên, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GĐ, KT,TT và THA Tòa DS;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Mạnh Cường